

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 2559 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 04 tháng 8 năm 2014

### QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu vực ven biển Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, tỷ lệ 1/5.000

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 của Quốc Hội khóa XI, kỳ họp thứ 4 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 của Quốc Hội khóa XII, Kỳ họp thứ 5, ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính Phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD ngày 31/3/2008 của Bộ Xây dựng về quy định nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 08/02/2011 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn đánh giá Môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 30/09/2013 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

SỔ XÂY DỰNG BÌNH THUẬN  
Số: 5760  
ĐẾN Ngày: 18/8/14  
Chung: P. Quy  
Gửi quyết xong trước ngày: /

Sau giờ BCL DA  
11/8

Chợ bán gạo  
lại cho BCL DA

Sau giờ tối,  
Chị Mai  
Bảng giờ Chư  
Nguyễn

13/8/14  
NV

Căn cứ Quyết định số 48/2006/QĐ-UBND ngày 13/06/2006 của UBND tỉnh về đơn giá khảo sát xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2576/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Thuận đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 4604/UBND-VXDĐ ngày 29/11/2011 của UBND tỉnh về việc lập đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 các khu vực ven biển;

Căn cứ Công văn số 6005/UBND-ĐTQH ngày 26/12/2011 của UBND tỉnh về việc tham mưu, đề xuất việc lập quy hoạch để các chủ dự án du lịch có cơ sở thực hiện các dự án du lịch ven bãi biển trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 04/6/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 khu vực ven biển Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1338/TTr-SXD ngày 20/6/2014 về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu vực ven biển Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, tỷ lệ 1/5.000,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu vực ven biển Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, tỷ lệ 1/5.000 với nội dung, như sau:

#### **1. Phạm vi nghiên cứu quy hoạch chung:**

a) Phạm vi quy hoạch: Nằm dọc theo tuyến đường ĐT.719, thuộc địa bàn xã Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

b) Có tứ cận như sau:

- Đông giáp: Biển Đông;

- Tây giáp : Đường quy hoạch, xã Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam;

- Nam giáp: Xã Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam;

- Bắc giáp: Xã Tiến Thành, thành phố Phan Thiết;

Tổng diện tích quy hoạch khoảng 740 ha.

**2. Tính chất:** Là khu đô thị dịch vụ phục vụ du lịch đặc thù nhằm phát triển du lịch, kinh tế xã hội của huyện Hàm Thuận Nam và của tỉnh.

#### **3. Quy mô dân số:**

- Dân số khu vực quy hoạch khoảng 500 người;

- Dự báo dân số toàn khu vực đến năm 2030 khoảng 11.700 người (trong đó dân số tăng tự nhiên khoảng 700 người; dân số tăng cơ học khoảng 11.000 người).

#### 4. Cơ cấu sử dụng đất:

TT	Danh mục	Đợt đầu (2020)			Quy hoạch (2030)		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Bình quân (m <sup>2</sup> /ng)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Bình quân (m <sup>2</sup> /ng)
	<b>Tổng diện tích</b>	<b>740,00</b>			<b>740,00</b>		
<b>I</b>	<b>Đất xây dựng</b>	<b>438,93</b>	<b>100,00</b>		<b>516,59</b>	<b>100,00</b>	
1	Đất ở	33,53	7,64	60,31	48,62	9,41	41,56
2	Đất ở kết hợp thương mại	8,27	1,88	14,87	8,27	1,60	7,07
3	Đất thương mại dịch vụ	38,33	8,73	68,94	45,82	8,87	39,16
4	Đất sân golf	107,00	24,38	192,45	107,00	20,71	91,45
5	Đất du lịch	175,33	39,95	315,34	194,69	37,69	166,40
6	Đất khu vui chơi giải trí				21,77	4,22	18,61
7	Đất giao thông	50,00	11,39	89,93	63,95	12,38	54,66
8	Đất cây xanh	26,47	6,03	47,61	26,47	5,12	22,62
8.1	Đất cây xanh CV - TDTT	21,33	4,86	38,36	21,33	4,13	18,23
8.2	Cây xanh cảnh quan	5,14	1,17	9,24	5,14	0,99	4,39
<b>II</b>	<b>Đất khác</b>	<b>301,07</b>	<b>100,00</b>		<b>223,41</b>	<b>100,00</b>	
1	Đất dự trữ				111,92	50,10	95,66
	Trong đó:						
1.1	Đất ở				57,20	25,60	48,89
1.2	Đất ở kết hợp thương mại				3,90	1,75	3,33
1.3	Đất thương mại dịch vụ				29,00	12,98	24,79
1.4	Đất công viên - TDTT				8,20	3,67	7,01
1.5	Đất giao thông				13,62	6,10	11,64
2	Đất lâm nghiệp	259,03	86,04	465,88	104,90	46,95	89,66
3	Đất chưa sử dụng	30,00	9,96	53,96			
4	Đất di tích	0,04	0,01	0,07	0,04	0,02	0,03
5	Đất mặt nước	12,00	3,99	21,58	6,55	2,93	5,60

#### 5. Chỉ tiêu sử dụng đất:

STT	Danh mục	Ký hiệu (lô)	Diện tích (ha)	Mật độ xây dựng trung bình (%)	Tầng cao trung bình (tầng)	Hệ số sử dụng đất
1	Đất ở	O1 đến O16	48,62	Tối đa 60	2	0,6

2	Đất ở thương mại	OTM	8,27	Tối đa 80	2,5	0,88
3	Đất thương mại dịch vụ	TM-1 đến TM-14	45,82	30 - 40	01 - 03	0,88 - 1,2
4	Đất du lịch	DL-1 đến DL-18	194,69	20	2	0,4
6	Đất cây xanh CV-TDĐT		21,33			
		CX-1	16,81	10		
		CX-2	3,74	15	1	0,15
		CX-3	0,78	5		
7	Đất vui chơi giải trí	CX-2	21,77	30	2	0,6
8	Đất sân golf	G	107			
9	Đất cây xanh cảnh quan		5,14			
10	Đất giao thông		63,95			
11	Đất dự trữ		111,92			
12	Đất khác		111,49			
	Tổng		740			

**6. Quy hoạch phát triển không gian:** Chia làm 04 khu vực;

**6.1. Khu vui chơi, giải trí kết hợp với du lịch sinh thái rừng:**

- Xây dựng khu vui chơi, giải trí đa dạng tại khu vực đường bán nguyệt (theo Đồ án) với đường 719B, nằm xen kẽ trong khu vực rừng cảnh quan. Đây là khu vực phát triển các loại hình vui chơi, giải trí cao cấp;

- Xây dựng, cải tạo khu vực xung quanh Bàu Rau Má và hồ nước lớn, tạo thành khu vực du lịch sinh thái rừng, du lịch tự nhiên....

**6.2. Khu thương mại, dịch vụ kết hợp với không gian ở:**

- Bố trí Khu Trung tâm thương mại, dịch vụ tại khu vực ven đường Hàm Minh - Thuận Quý; đây là khu vực trung tâm của tuyến Phan Thiết - Mũi Kê Gà;

- Xung quanh trục cảnh quan lớn là tổ hợp các công trình dịch vụ, giải trí hỗn hợp. Trong đó có khu ẩm thực, giới thiệu văn hóa ẩm thực của vùng biển tỉnh Bình Thuận cũng như vùng Nam Trung Bộ;

- Xây dựng 01 phòng khám đa khoa khu vực để phục vụ cho nhu cầu của nhân dân trong vùng cũng như du khách;

- Xây dựng 01 chợ tại khu vực ngã tư đường bê tông xi măng vào Bàu Rau Mía giao với đường đất hiện trạng. Theo đó, đào 01 hồ lắng tại khu vực đối diện chợ để làm nơi thu nước; thu gom đất, đá, lá cây, gỗ mục... nhằm không gây bẩn, ô nhiễm khu vực tắm biển;

- Khu vực dân cư mới được bố trí xây dựng thuận lợi gần khu dịch vụ, giải trí hỗn hợp.

### 6.3. Khu khai thác du lịch và dịch vụ biển:

- Thu hồi, cải tạo lại khu vực đất du lịch chưa xây dựng tại điểm nút của trục cảnh quan, xây dựng công viên biển phục vụ cho nhu cầu nghỉ dưỡng;

- Cải tạo khu vực đất du lịch chưa xây dựng, hoặc đã bị thu hồi, xây dựng các công viên cảnh quan và đường ra biển, tạo cảnh quan cho toàn khu vực;

- Xây dựng khu thủy cung và thể thao nước tại khu vực đất du lịch thu hồi ở phía Nam để phục vụ cho nhu cầu du lịch, thể thao của du khách.

### 6.4. Khu vực đất dự trữ phát triển:

Khu vực đất khai thác Titan được quy hoạch thành đất dự trữ phát triển, trong giai đoạn đầu sẽ tiến hành trồng cây xanh cách ly, tránh ảnh hưởng tới môi trường của khu vực xung quanh. Giai đoạn sau sẽ xây dựng thành khu đô thị dịch vụ.

## 7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

### 7.1. Quy hoạch chiều cao đất xây dựng:

- Cao độ xây dựng:  $H_{xd} \geq 4.51m$ ;

- Độ dốc san nền lớn nhất:  $I_{max} = 10\%$ ;

- Độ dốc san nền nhỏ nhất:  $I_{min} = 0,1\%$ ;

- Các khu vực đã xây dựng: Hạn chế việc đào đắp nhằm giữ nguyên địa hình; đối với những khu vực có độ dốc nền  $>8\%$  thì tiến hành san nền giạt cấp;

- Các khu vực dự kiến phát triển mở rộng: Không phá vỡ địa hình tự nhiên, hạn chế tối đa việc đào đắp đối với những dự án mới, chủ yếu cân bằng giữa khối lượng đất đào và khối lượng đất đắp cục bộ;

- Sử dụng khối lượng đất đào tại khu vực công cộng, trạm viễn thông để đắp vào các khu ven biển như: Công viên biển, vườn hoa và khu thủy cung;

- Các khu vực cân bằng đào đắp cục bộ: Khu vui chơi, dịch vụ, giải trí, khu ẩm thực, các công trình dọc tuyến ĐT 719;

- Các công trình không san lấp: Khu rừng bảo tồn, khu khai thác Titan, các tuyến đường nhựa hiện hữu.

## 7.2. Quy hoạch thoát nước mưa:

### a) Nguyên tắc thiết kế:

- Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải theo hướng tự chảy. Hệ thống mương, cống thoát nước mặt được thu gom nước mưa qua các hố thu, sau đó đổ ra biển;

- Đối với các khu vực sườn đồi, núi cao bố trí hệ thống thoát nước mưa có rãnh biên tiết diện hình thang (rãnh dọc) và tối đa 500m bố trí cống thu nước để thoát nước từ rãnh biên về sườn núi bên đường;

- Tận dụng và cải tạo các ao hồ hiện có để phục vụ cho nhu cầu điều tiết nước mưa, không sử dụng trạm bơm;

- Thiết kế cao độ đáy cống tại các cửa xả nhỏ hơn mực nước thủy triều thấp nhất để đảm bảo thoát nước và ít ảnh hưởng đến mỹ quan khu du lịch trong cả mùa mưa và mùa khô.

b) Lưu vực: Lấy trục thoát nước chính là tuyến thoát nước chạy dọc theo tuyến đường ĐT.719, phân chia thành các lưu vực thoát nước sau:

- Lưu vực 1: Khu vực khai thác Titan ở phía Bắc, diện tích 12,7 ha một phần thoát theo các khe tự thủy và một phần thoát vào hệ thống mương chạy dọc theo tuyến đường ĐT.719 thoát về suối Nhum;

- Lưu vực 2: Bao gồm các khu du lịch Suối Nhum, Ánh Dương, Yên Sơn; một phần thoát vào hệ thống rãnh biên đổ về suối Nhum, chảy ra biển, một phần thoát về hệ thống trục chính trên đường ĐT.719, theo các cửa xả thoát ra biển Đông;

- Lưu vực 3: Khu trung tâm một phần thoát theo hệ thống mương trên đường ĐT.719, một phần thoát về hướng suối Giêng, thoát ra biển Đông;

- Lưu vực 4: Gồm khu biệt thự - sân Golf Hàm Thuận Nam và toàn bộ khu vực phía Nam, thoát vào hệ thống mương chính trên tuyến đường ĐT.719 theo đó đổ ra biển.

## 7.3. Quy hoạch mạng lưới giao thông:

### a) Giao thông đối ngoại:

- Tuyến đường ĐT.719 (mặt cắt 1-1): Cải tạo tuyến hiện trạng, xây dựng vỉa hè hai bên, quy mô 22 m với lòng đường rộng 12,0m; vỉa hè mỗi bên rộng 5,0m;

- Tuyến đường ĐT.719B (mặt cắt 1A-1A): Tuyến đường này trong tương lai được thay thế vị trí của đường ĐT.719, có mặt cắt ngang đường rộng 52 m, với lòng đường rộng 24 m, vỉa hè mỗi bên rộng 12 m, dải phân cách rộng 4 m;

- Tuyến đường Hàm Minh - Thuận Quý (mặt cắt 1B-1B): Là một trong ba tuyến đường ngang kết nối giữa đường ĐT.719 với ĐT.719B, có mặt cắt ngang đường rộng 42 m với lòng đường rộng 20 m, vỉa hè mỗi bên rộng 10 m, dải phân cách rộng 2 m.

b) Giao thông đối nội:

- Mạng lưới đường:

+ Tổ chức mạng lưới đường kết nối với các tuyến tỉnh lộ và hệ thống đường hiện có, phục vụ các khu chức năng trong khu nghiên cứu;

+ Do tính chất đặc thù của khu vực nghiên cứu, là khu du lịch trải dài dọc theo bờ biển, do đó bố trí 02 tuyến đường giao thông đối ngoại, song song dọc theo chiều dài khu đất và bố trí các tuyến đường kết nối ngang giữa 02 tuyến tỉnh lộ kết hợp với các tuyến đường hiện hữu và các tuyến đường theo quy hoạch;

+ Khu vực nghiên cứu có địa hình tương đối phức tạp; do đó, mạng lưới đường giao thông được tổ chức theo hướng bám sát địa hình tự nhiên nhằm tránh việc đào đắp với khối lượng lớn.

- Quy mô phân cấp đường:

+ Đường chính: Mặt cắt 2-2 (lộ giới 33 m); đây là hai tuyến đường chính kết nối giữa đường ĐT.719 và ĐT.719B, cùng với tuyến đường Hàm Minh – Thuận Quý tạo thành 3 tuyến đường kết nối ngang quan trọng của khu vực nghiên cứu;

+ Đường cảnh quan đi bộ: Mặt cắt 3-3 (lộ giới 30 m); đây là tuyến đường trục cảnh quan nằm ở trung tâm khu vực nghiên cứu, chạy từ phía trên đồi xuống bãi biển. Tuyến đường này có độ dốc lớn, xây dựng theo dạng bậc thang, phục vụ cho khách du lịch trong khu vực nghiên cứu;

+ Đường liên khu vực: Mặt cắt 4-4 (lộ giới 16 m);

+ Đường khu vực: Mặt cắt 5-5 (lộ giới 14 m).

c) Bến xe: Được bố trí đối diện khu vực vui chơi giải trí, sát đường ĐT.719B, với diện tích khoảng 5.000 m<sup>2</sup>.

d) Hệ thống cầu: Nâng cấp cải tạo 02 cây cầu trong khu vực, nằm trên tuyến đường ĐT. 719 theo quy mô phù hợp với cấp đường.

#### Thông kê khối lượng giao thông đến năm 2030

STT	Tên đường	Mặt cắt	Chiều dài (m)	Bề rộng			Diện tích		
				Mặt đường (m)	Hè (m)	Tổng (m)	Mặt đường (m <sup>2</sup> )	Hè (m <sup>2</sup> )	Tổng (m <sup>2</sup> )
1	Đường giao thông đối ngoại	1-1	6.224,5	12	10	22	74.694	62.245	136.939
		1A-1A	7.006,5	12	40	52	84.078	280.260	364.338
		1B-1B	1.101,8	20	22	42	22.036	24.239,6	46.275,6
2	Đường chính	2-2	1.843,8	20	13	33	36.876	23.969,4	60.845,4

3	Đường trục cảnh quan	3-3	655	20	10	30	13.100	6.550	19.650
4	Đường liên khu vực	4-4	15.095,2	7	9	16	105.666,4	135.856,8	241.523,2
5	Đường khu vực	5-5	5.523	8	6	14	44.184	33.138	77.322
6	Bến xe								5.000
	<b>Tổng</b>		<b>37.449,8</b>				<b>380.634,4</b>	<b>566.258,8</b>	<b>951.893,2</b>

e) Quy hoạch chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng:

- Chỉ giới đường đỏ của các tuyến đường giao thông theo Đồ án phải tuân thủ theo quy mô bề rộng lộ giới được xác định trong quy hoạch chung;

- Đối với nhà ở và các công trình xây dựng phải tuân theo Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND ngày 23/12/2012 của UBND tỉnh về việc Quy định về chỉ giới xây dựng nhà ở và công trình xây dựng dọc theo quốc lộ, tỉnh lộ và huyện lộ thuộc địa bàn nông thôn chưa có quy hoạch xây dựng được duyệt trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

- Đối với các dự án đầu tư khu du lịch ven biển phải tuân theo Quyết định số 54/2012/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định các vấn đề liên quan đến quản lý xây dựng các dự án đầu tư khu du lịch ven biển trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

7.4. Quy hoạch mạng lưới cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường:

7.4.1. Quy hoạch cấp nước:

a) Nguồn nước: Lấy nước từ các nhà máy nước trong và gần khu vực quy hoạch, gồm:

- Nhà máy nước Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam, theo quy hoạch đến năm 2020 công suất của nhà máy:  $Q = 5.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  và nhà máy nước ở Tiến Thành, thành phố Phan Thiết có công suất thiết kế:  $Q = 1.250\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  nằm cạnh đường ĐT.719;

- Dọc đường ĐT.719 đã được bố trí hệ thống đường ống có đường kính  $D = 150\text{ mm}$ .

b) Nhu cầu: Tổng nhu cầu sử dụng nước khu vực Đồ án quy hoạch như sau:

- Giai đoạn 2020: Khoảng  $1.000\text{ m}^3/\text{ngày}$ ;

- Giai đoạn 2030: Khoảng  $3.300\text{ m}^3/\text{ngày}$ ;

c) Mạng lưới đường ống:

Mạng lưới đường ống dẫn và phân phối nước sử dụng ống gang và được tổ chức theo hệ thống mạng vòng kết hợp nhánh (14 vòng) và phân bố đến toàn bộ khu dân cư và vùng dự kiến phát triển; tổng số chiều dài mạng lưới đường ống của khu vực ven biển Thuận Quý khoảng  $13.175\text{ m}$ ;



Trong đó: Tuyến ống có đường kính D150mm có chiều dài 9.175 m và tuyến ống có đường kính D100mm có chiều dài 3.460 m;

- Tuyến đường ống dẫn chính ống từ D100 đến D300 được bố trí trên mép đường có độ sâu chôn ống > 0,7m (tính đến đỉnh ống);

- Hệ thống van khóa kỹ thuật được bố trí theo yêu cầu kỹ thuật và tại các nút giao cắt và các điểm đầu nối.

d) Cấp nước chữa cháy:

Bố trí các họng cứu hỏa, chữa cháy trên các vỉa hè; các khu vực ngã ba, ngã tư.

e) Chỉ tiêu sử dụng nước:

STT	CHỈ TIÊU TÍNH TOÁN	ĐƠN VỊ	GIAI ĐOẠN	
			ĐẾN 2020	ĐẾN 2030
1	Tổng số dân khu vực nghiên cứu	người	5.000	11.700
2	Tỷ lệ cấp nước	%	90	95
3	Tổng số dân sử dụng nước		4.500	11.115
4	Tiêu chuẩn cấp nước		150	200
5	Nhu cầu nước sinh hoạt ( $Q_{sh}$ )	$m^3$	675	2.223
6	Nước cho nhu cầu công cộng $Q_{cc} = 10\% Q_{sh}$	$m^3$	67,5	222
7	Nước tưới cây rửa đường $Q_{tc} = 8\% Q_{sh}$	$m^3$	54	177,84
8	Dự phòng, rò rỉ $Q_{dp} = 20\% (Q_{sh} + Q_{cc} + Q_{tc})$	$m^3$	159,3	525
	Cộng	$m^3$	955,5	3.148
	Nhu cầu cho trạm XLN = $5\% (Q_{sh} + Q_{cn} + Q_{cc} + Q_{tc} + Q_{dp})$	$m^3$	47,78	157,39
	Cộng Q ngày (Tổng nhu cầu dùng nước/ngày)	$m^3/ngày$	1.003,3	3.305

7.4.2. Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

a) Quy hoạch thoát nước thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước riêng, sử dụng ống bê tông cốt thép có đường kính từ 200 mm - 300 mm, với tổng chiều dài hệ thống thoát nước thải là 21.341m;

- Nước thải từ các hộ gia đình và khu du lịch được thu gom và vận chuyển đến trạm xử lý nước thải bằng hệ thống cống tự chảy và các trạm bơm nước thải; công suất các trạm bơm nước thải được tính toán:

- Trạm bơm nước thải số 1:  $Q = 500 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ ;

- Trạm bơm nước thải số 2:  $Q = 1.500 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ ;

- Trạm xử lý nước thải được thiết kế với công suất QI = 700  $\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  và được mở rộng nâng công suất nhà máy lên QII = 2.200  $\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ . Nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn loại A theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, theo đó được xả vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực hoặc tận dụng làm nước tưới cây, rửa đường.

b) Quản lý chất thải rắn:

- Phân loại chất thải rắn: Trong khu vực thiết kế của Đồ án có 3 loại Chất thải rắn (CTR): CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp và CTR y tế;

- Toàn bộ chất thải rắn được thu gom tại nguồn và vận chuyển về bãi chôn lấp chất thải rắn ở khu vực Ba Hòn.

c) Quy hoạch nghĩa trang:

Nghĩa trang hiện tại của xã Thuận Quý được di dời ra khỏi khu vực của Đồ án quy hoạch và được di dời về vị trí mới thuộc thôn Thuận Minh xã Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam có diện tích khoảng 10 ha.

7.5. Quy hoạch cấp điện:

a) Nguồn điện: Nguồn điện chính cấp cho khu vực nghiên cứu được cấp trực tiếp từ lưới điện quốc gia thông qua trạm biến áp 110 Thuận Nam qua lộ 473, có công suất trạm 110/22/10KV-2x40MVA.

b) Lưới trung áp: Sử dụng lưới điện 10,5 kV hiện có; trong tương lai nâng cấp lên thành lưới 22kV.

c) Trạm lưới: Bố trí các trạm lưới 22/0,4KV, dùng trạm biến áp và máy biến áp loại 3 pha có bán kính phục vụ của các trạm đảm bảo  $\leq 500 \text{ m}$ .

d) Lưới hạ thế 0,4KV: Kết hợp cải tạo hiện có với xây dựng các tuyến 0,4 kV mới; lưới 0,4 kV tổ chức theo mạng hình tia dùng cáp vặn xoắn, các tuyến đường dây 0,4 KV trực chính không dài quá 400 m.

e) Lưới chiếu sáng:

- Chỉ tiêu chiếu sáng đường đảm bảo độ chói của mỗi loại đường; toàn bộ các đường có mặt cắt  $\geq 3,5 \text{ m}$  đều được chiếu sáng. Đường có mặt cắt  $\geq 11 \text{ m}$  bố trí 02 tuyến chiếu sáng 02 bên đường. Đường có mặt cắt  $\leq 10,5 \text{ m}$  bố trí 01

tuyến chiếu sáng 01 bên đường. Các trục đường có dải phân cách rộng bố trí tuyến chiếu sáng đi trên dải phân cách;

- Sử dụng các thiết bị chiếu sáng hiện đại, tiết kiệm điện năng.

f) Bảng tổng hợp nhu cầu dùng điện:

STT	Tên phụ tải	2020(KW)	2030(KW)
1	Sinh hoạt	2.500	9.360
2	Công cộng	750	2.808
4	Chiếu sáng	3.696	3.696
Cộng		6.946	15.864
Dự phòng + tổn thất (tính toán 10%)		694,6	1.586,4
<b>Tổng</b>		<b>7.640,6</b>	<b>17.450,4</b>

## 8. Đánh giá môi trường chiến lược:

8.1. Dự báo các diễn biến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch:

a) Môi trường nước: Tổng lượng nước thải do sinh hoạt và dịch vụ cho khu vực ven biển Thuận Quý đến năm 2030 là 2.200 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, đáp ứng được nhu cầu xử lý nước thải của khu vực.

b) Môi trường không khí và tiếng ồn: Nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn chính trong khu vực quy hoạch là hoạt động xây dựng và giao thông, nhất là xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật; các hoạt động như vận chuyển vật liệu, xây dựng tại các công trường.

c) Tác động do hoạt động sản xuất công nghiệp:

Việc khai thác Titan nằm ở khu vực phía Bắc gây ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn.

d) Dự báo chất thải rắn: Chất thải rắn từ các hoạt động xây dựng, sinh hoạt, du lịch, thương mại v.vv... làm phát sinh lượng chất thải rắn.

8.2. Các giải pháp bảo vệ môi trường:

8.2.1. Giải pháp về kỹ thuật:

a. Giải pháp bảo vệ môi trường đất:

- Sử dụng hợp lý quy hoạch sử dụng đất từng khu vực, tận dụng khai thác quỹ đất xây dựng;

- Hướng dẫn nhân dân áp dụng các biện pháp sử dụng hợp lý thuốc trừ sâu, phân bón hóa học, trong việc sản xuất nông, lâm nghiệp, giảm tối đa sự ô nhiễm gây ra với môi trường đất và nước;

- Thu gom, phân loại và xử lý triệt để chất thải rắn phát sinh;

- Đối với các khu vực đã khai thác Titan phải kiểm soát chặt chẽ công tác hoàn thổ, trồng mới diện tích đất xây xanh đã chặt phá.

b. Giải pháp bảo vệ môi trường không khí, tiếng ồn:

- Trồng cây xanh tại các khu đất trống quanh các khu vực đỗ xe và có mật độ phương tiện vận chuyển lớn, các khu vực khai thác khoáng sản.

c. Giải pháp bảo vệ môi trường nước:

- Kiểm soát chặt chẽ và có phương án thu gom, xử lý tại các suối và bãi biển;

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ cho hệ thống các khu du lịch trong khu vực để xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường, thu gom tập trung nước thải tại các khu dân cư bằng hệ thống đường ống thu gom nước thải.

d. Giải pháp bảo vệ môi trường do chất thải rắn:

- Bố trí các thùng rác trên đường, trong các khu vực công cộng, các khu du lịch; thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn tiếp nhận rác để thuận tiện cho quá trình tái chế, các loại chất thải rắn không thể tái chế được phải thu gom và vận chuyển đến bãi chôn lấp chung.

8.2.2. Giải pháp về quản lý:

- Nghiêm cấm việc xả rác xuống các hệ thống suối, hồ, bãi nước và khu vực bãi biển tại các vị trí nhạy cảm phải xây dựng hệ thống quan trắc;

- Tiến hành thực hiện các chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng dân cư thuộc khu vực trong công tác bảo vệ môi trường;

- Nâng cao ý thức của cộng đồng trong việc phân loại chất thải rắn.

## **9. Phân kỳ đầu tư:**

9.1. Giai đoạn từ khi triển khai quy hoạch đến năm 2020 đầu tư các công trình sau:

Triển khai đầu tư xây dựng tuyến đường ĐT.719B, một số công trình thiết yếu của Đồ án quy hoạch và tiếp tục triển khai các dự án du lịch đã được chấp thuận đầu tư.

9.2. Giai đoạn từ 2020 đến 2030: Đầu tư các công trình hạ tầng và các công trình kiến trúc còn lại.

9.3. Hình thức và nguồn vốn đầu tư:

- Nguồn vốn từ nguồn ngân sách Nhà nước: Đầu tư các công trình phúc lợi, văn hóa và cộng đồng và công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Nguồn vốn từ các thành phần kinh tế để đầu tư vào các công trình chuyên ngành về hạ tầng kỹ thuật, các dự án du lịch;

- Nguồn vốn từ khai thác quỹ đất trong khu vực quy hoạch.

## **10. Quy định quản lý:**

Đính kèm theo Quy định quản lý Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu vực ven biển Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, tỷ lệ 1/5.000.

**Điều 2:**

1. Căn cứ Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu vực ven biển Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, tỷ lệ 1/5.000 được phê duyệt; Giám đốc Sở Xây dựng chịu trách nhiệm kiểm tra và xác nhận hồ sơ thiết kế kèm theo.

2. Chủ tịch UBND huyện Hàm Thuận Nam có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ đạo các phòng ban chức năng tổ chức thực hiện một số công việc sau:

- Tổ chức cắm mốc ranh giới, lộ giới, chỉ giới xây dựng các trục đường trong khu vực quy hoạch và công bố công khai quy hoạch rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết thực hiện;

- Thực hiện các nội dung theo quy hoạch được duyệt, triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch hàng năm trình UBND tỉnh xem xét;

- Chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát xây dựng theo quy hoạch và xử lý các trường hợp xây dựng sai quy hoạch theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải, Chủ tịch UBND huyện Hàm Thuận Nam, Chủ tịch UBND xã Thuận Quý, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và các cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *chau*

**Nơi nhận:** *h*

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Lưu VT, VXDL, ĐT&QH XD. Châu (17b).



**CHỦ TỊCH**

**Lê Tiến Phương**



## QUY ĐỊNH

Quản lý theo Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu vực ven biển Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, tỷ lệ 1/5.000  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2559 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận)



### PHẦN I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1:** Tính chất, mục tiêu:

1. Tính chất:

Là khu đô thị dịch vụ phục vụ du lịch đặc thù nhằm phát triển du lịch, kinh tế xã hội của huyện Hàm Thuận Nam và của tỉnh.

2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa chủ trương của UBND tỉnh về quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch trên địa bàn tỉnh đến năm 2020;

- Sử dụng quỹ đất hợp lý, tạo cảnh quan môi trường tự nhiên, nghiên cứu đề xuất các mô hình kiến trúc mới, hài hòa phù hợp với địa hình cảnh quan môi trường biển nhằm thu hút khách đến tham quan du lịch vui chơi, nghỉ dưỡng;

- Làm cơ sở cho công tác quản lý đất đai, quản lý các dự án đầu tư trong và ngoài nước với mục tiêu xây dựng một khu đô thị dịch vụ phục vụ du lịch đặc thù, góp phần tích cực vào việc phát triển du lịch, phát triển kinh tế xã hội của địa phương nói riêng và của tỉnh nói chung;

- Khai thác tối đa các lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, hợp thành khối đồng nhất Quy hoạch ven biển toàn tỉnh;

- Nghiên cứu, định hướng phát triển hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và hoạt động tại khu vực.

**Điều 2:** Quy định về kiểm soát phát triển không gian Quy hoạch Kiến trúc:

- Trong cấu trúc phát triển Khu du lịch ven biển Thuận Quý xác định không gian xanh chiếm 60 - 70% đất tự nhiên, giữ lại phần lớn diện tích các rừng, ao, hồ tự nhiên; hành lang xanh chạy dọc theo suối tự nhiên trong khu vực;

- Bố trí dãy cây xanh tạo vùng không gian đệm để phân chia giữa khu vực du lịch sinh thái rừng tự nhiên và khu vực du lịch sinh thái biển; tạo lập không gian mở gắn với các hoạt động công cộng, vui chơi giải trí, công viên, cây xanh thể dục thể thao và không gian công cộng mở rộng;

- Khu vực rừng bảo tồn, khi khai thác du lịch sinh thái rừng tuân thủ đúng theo các quy định hiện hành của Nhà nước về việc bảo vệ rừng tự nhiên, tránh làm mất đi không gian xanh tự nhiên;

- Kiểm soát phát triển ao hồ và các vùng đồi núi cảnh quan tự nhiên, vùng đa dạng sinh học, đặc biệt là khu vực 02 bên bờ suối Nhum và suối Giêng phải có biện pháp bảo vệ, tránh làm ô nhiễm nguồn nước cũng như môi trường xung quanh.

### **Điều 3: Quy định về phát triển hạ tầng xã hội:**

#### **1. Đối với nhà ở:**

Đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật cũng như xã hội; ưu tiên các tổ hợp công trình nhà ở hỗn hợp có không gian công cộng và không gian mở. Nâng cao diện tích giao thông tĩnh và giao thông cho xe đạp và đi bộ trong các khu đô thị mới; phải có quy định về quản lý kiến trúc với từng khu đô thị, tránh tình trạng xây dựng không đồng bộ, gây mất mỹ quan và ảnh hưởng đến cảnh quan chung của khu vực.

#### **2. Đối với mạng lưới công trình y tế:**

Tạo sự phối hợp hoạt động giữa bệnh viện đa khoa của khu vực ven biển Thuận Quý với bệnh viện các khu vực lân cận và các tuyến có hiệu quả, đảm bảo phát triển kỹ thuật chuyên sâu.

#### **3. Đối với mạng lưới công trình văn hóa và thể dục thể thao:**

Quy hoạch mạng lưới văn hóa như mạng lưới không gian lễ hội văn hóa, tượng đài; tiếp tục triển khai các quy hoạch chuyên ngành, đặc thù trên cơ sở phù hợp định hướng quy hoạch chung được duyệt.

#### **4. Đối với mạng lưới phục vụ du lịch:**

- Bảo tồn và phát huy giá trị các khu vực rừng, biển, ao hồ... tự nhiên; xây dựng các chế tài, quy định chung nhằm quản lý việc phát triển theo định



hướng của Đồ án quy hoạch chung đối với các khu du lịch sinh thái. Đồng thời, đảm bảo hạ tầng các khu du lịch phải đồng bộ với hạ tầng chung của toàn khu vực;

- Nâng cấp và phát triển các tuyến đi bộ, phố mua sắm, ẩm thực, chợ đêm, khu bán hàng lưu niệm chất lượng cao.

#### 5. Đối với mạng lưới thương mại:

- Xây dựng mới mạng lưới các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ... đồng bộ, hiện đại với số lượng và quy mô phù hợp. Xây dựng mới các tuyến và trục phố thương mại;

- Hình thành mạng lưới trung tâm mua sắm - thương mại dịch vụ tổng hợp, siêu thị vừa và nhỏ, chợ bán lẻ, cửa hàng tiện lợi và tạp hóa...;

- Hệ thống thương mại phân bố phải cụ thể khi triển khai quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết.

#### 6. Đối với nông, lâm nghiệp:

Khoanh vùng diện tích rừng; bảo vệ chặt chẽ, định hướng trở thành vùng sinh thái lâm nghiệp, bảo vệ môi trường và phục vụ du lịch.

### **Điều 4:** Quy định quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

#### 1. Giao thông:

##### 1.1. Hệ thống giao thông toàn khu:

- Xây dựng tuyến đường ĐT.719B chạy sát phía trên các khu du lịch với quy mô 52m; hành lang tuyến từ 10m đến 20m. Mở rộng tuyến đường Hàm Minh - Thuận Quý có mặt cắt ngang 42m tạo thành tuyến đường kết nối giữa đường ĐT.719 và ĐT.719B;

- Xây dựng các nút giao cắt trên các đường chính, hệ thống bến bãi đỗ xe được xây dựng nội bộ trong các khu du lịch;

- Quản lý đảm bảo hành lang an toàn đường bộ, tổ chức đường gom tại các đoạn qua các khu dân cư;

- Quản lý phát triển các công trình giao thông: Xây dựng và tổ chức hợp lý hệ thống các nút giao cắt, hệ thống bến, bãi đỗ xe.

##### 1.2. Quy định phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông:

- Đối với đường ngoài đô thị, hành lang bảo vệ tính từ chân taluy đường; đối với đường đối ngoại: Đường cấp I, II là 20m, đường cấp III là 15m, đường cấp IV và cấp V là 10m;

- Đối với đường trong khu du lịch: Tuân thủ đúng chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của các tuyến theo quy hoạch được duyệt.

## 2. Cao độ nền:

- Cao độ xây dựng tại khu vực quy hoạch được chọn như sau:  $H_{xd} \geq 4.51m$ ;

- Các khu vực đã xây dựng: Hạn chế tác động việc đào đắp; trong quá trình thi công xây dựng phải đảm bảo không gây cản trở công tác thoát nước của khu vực;

- Các khu vực dự kiến phát triển mở rộng: Cân bằng giữa khối lượng đào với khối lượng đắp cục bộ;

- Độ dốc san nền  $i_{max} = 10\%$  và  $i_{min} = 0,1\%$ ; tại những khu vực có độ dốc nền  $>8\%$  thì tiến hành san nền giạt cấp.

## 3. Thoát nước mặt:

- Nước mưa từ các sườn núi đồi về phía Tây dồn về các hệ thống rãnh biên, khe tự thủy tự nhiên, thoát vào các trục tiêu chính và đổ ra ra biển;

- Nước mưa các khu vực còn lại được thu gom tuần tự từ rãnh thoát nước công trình ra các tuyến công nhánh, tiếp theo là các tuyến công chính, sau đó thoát vào các trục tiêu chính trước khi thoát ra biển;

- Rãnh biên (Rãnh dọc) được bố trí ở những đoạn đường đào có khối lượng nửa đào và nửa đắp và đối với các đoạn đắp thấp dưới 50cm;

- Tại vị trí các cửa xả ra khu bãi tắm bố trí hệ thống hồ thu cạn, phía miệng hồ đặt song chắn rác có khe hở không quá 50mm, tránh gây ô nhiễm cho khu vực.

## 4. Cấp nước:

Khu vực bảo vệ: Cấp I cách công trình thu về phía thượng lưu tối thiểu 200m, phía hạ lưu tối thiểu 100m, cấp II: Cách công trình thu về phía thượng lưu tối thiểu 1000m, cách công trình thu về phía hạ lưu tối thiểu 300m;

- Khu vực cấp I: Không được phép xây dựng; cấm xả nước thải, tắm giặt, bắt cá, chăn thả gia súc; cấm sử dụng hóa chất độc, phân hữu cơ và các loại phân khoáng để bón cây;

- Khu vực cấp II: Nhà máy, nhà ở, khu dân cư phải được xây dựng hoàn thiện (có hệ thống cấp nước, thoát nước bản và nước mưa...) để bảo vệ đất và nguồn nước khỏi bị ô nhiễm; nước thải sản xuất và sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước phải đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn hiện hành; cấm đổ phân, rác, phế thải công nghiệp, hóa chất độc làm nhiễm bản nguồn nước và ô nhiễm môi trường;

- Vùng bảo vệ nhà máy nước: Xây dựng tường rào bảo vệ xung quanh khu vực xử lý nước trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý;

- Khu vực bảo vệ đường ống cấp nước tối thiểu là 0,5m;

- Điểm đầu nổi từ tuyến ống truyền đến đô thị được xác định theo quy hoạch, hạn chế số điểm đầu nổi trên tuyến truyền dẫn;

- Mạng lưới cấp nước cho đô thị cấu trúc theo mạng vòng, thiết kế và lắp đặt đảm bảo độ chôn ống và đảm bảo khoảng cách an toàn đến các công trình và các đường ống xung quanh.

#### 5. Cấp điện:

- Cấp điện áp: Trung áp theo đúng tiêu chuẩn hiện hành, với cấu trúc mạch vòng kín. Quy định về quản lý không gian công trình điện: Lưới điện trung thế, hạ thế trung tâm đô thị và các khu vực phát triển mới đồng bộ phải đi ngầm hoặc muống cáp, riêng đô thị trung tâm yêu cầu ngầm hóa đến cấp điện áp 22KV;

- Quy định về chiếu sáng chức năng: Hệ thống chiếu sáng đường đảm bảo tỷ lệ 100% mạng lưới đường chính, chiếu sáng ngõ xóm đạt 80 – 90% được chiếu sáng tiết kiệm và hiệu quả;

- Quy định về chiếu sáng cảnh quan: Các khu vực trọng tâm trong khu vực phải được chiếu sáng cảnh quan gồm trung tâm hành chính, phố thương mại, di tích có giá trị, công trình cao tầng điểm nhấn và không gian mở gắn với hoạt động có đông người;

- Khuyến khích ưu tiên phát triển các công nghệ mới cho chiếu sáng đô thị như đèn dùng pin mặt trời, đèn LED... để tiết kiệm điện năng.

#### 6. Thu gom và xử lý nước thải:

- Lưu lượng nước thải tại điểm xả thải phải đảm bảo khả năng tự làm sạch;

- Quy định về khoảng cách ly vệ sinh môi trường tối thiểu trong trường hợp không có biện pháp xử lý triệt để về môi trường của các công trình đầu mối;

+ Đối với trạm bơm từ 15 – 30m;

+ Đối với trạm làm sạch nước thải: 100 – 500 m;

+ Trong phạm vi cách ly vệ sinh môi trường không xây dựng nhà ở tập trung, công trình công cộng tập trung đông người, xí nghiệp chế biến thực phẩm và điểm lấy nước phục vụ sinh hoạt.

#### 7. Quản lý chất thải rắn:

- Phải thu gom đạt tỷ lệ 100% lượng chất thải rắn phát sinh;

- Phải thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn tiếp nhận;

- Phải thu gom và xử lý riêng đối với chất thải rắn công nghiệp, y tế nguy hại;

- Bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh phải có hàng rào bảo vệ;

- Dải cây xanh cách ly ngoài hàng rào phải có chiều rộng tối thiểu là 20m;

- Khoảng cách ly vệ sinh môi trường tối thiểu trong trường hợp không có biện pháp xử lý triệt để về môi trường của công trình xử lý chất thải rắn (CTR) từ 100 – 1.000m;

- Trong phạm vi khoảng cách ly vệ sinh môi trường không xây dựng nhà ở tập trung, công trình công cộng tập trung đông người, xí nghiệp chế biến thực phẩm và điểm lấy nước phục vụ sinh hoạt.

#### 8. Quản lý nghĩa trang:

- Quy định về hình thức mai táng: Sử dụng nghĩa trang tập trung, ưu tiên hình thức hỏa táng;

- Quy định về khoảng cách ly vệ sinh môi trường:

+ Đối với nghĩa trang có hung táng tối thiểu là 1.500m;

+ Đối với nghĩa trang không có hung táng tối thiểu là: 100m.

#### 9. Quy định về hạ tầng ngầm

### 9.1. Quy định về phát triển hệ thống hạ tầng ngầm

- Cải tạo hạ tầng ngầm tập trung vào các đường dây điện, đường dây viễn thông nổi;
- Xây dựng hệ thống hào, cống bê cấp trong ranh giới toàn bộ đô thị;
- Đối với các khu vực xây mới phải xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm, đồng bộ với hệ thống giao thông.

### 9.2. Quy định về hệ thống cống, bể cấp:

- Các hệ thống ngầm chính cấp đô thị: Chứa các đường ống có kích thước lớn, đường điện cao thế, đường ống cấp nước, viễn thông phải đảm bảo kích thước cho con người hoặc máy móc đi lại vận hành thường xuyên. Hệ thống ngầm chính được quy hoạch đặt theo các trục chính cấp đô thị về hạ tầng;
- Các hệ thống ngầm phân phối cho phép xây dựng dọc theo các trục đường chính đến cấp đường phân khu vực. Các tuyến cống bê cấp phục vụ nhu cầu dọc theo tuyến đường phải được xây dựng đồng bộ với các đường giao thông xây mới hoặc khi cải tạo tuyến phố.

### **Điều 5:** Quy định về môi trường:

- Xây dựng các trạm xử lý nước thải tập trung theo lưu vực thoát nước, cải tạo, xây dựng mới hệ thống thoát nước, hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị;
- Xây dựng và bố trí hệ thống cây xanh tại các tuyến đường chính của khu vực ven biển Thuận Quý như đường ĐT.719, ĐT.719B và các tuyến đường chính của khu vực;
- Khai thác hợp lý tài nguyên đất, chống xói mòn và bạc màu đất canh tác, đất đồi núi. Sử dụng đất gắn với chiến lược phục hồi rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc;
- Khuyến khích áp dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp, tập huấn cho nông dân về kỹ thuật trồng trọt khoa học và ý thức bảo vệ môi trường trong nông nghiệp.

## **PHẦN II: TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 6:** Quy định về tính pháp lý:

Quy định này áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện việc quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng, cải tạo chỉnh trang đô thị trên địa bàn

khu vực ven biển Thuận Quý và các xã phụ cận đảm bảo theo đúng Đồ án Quy hoạch chung xây dựng khu vực ven biển Thuận Quý đã được phê duyệt tại Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 04 tháng 06 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận.

**Điều 7: Phân công trách nhiệm:**

1. Giao trách nhiệm cho Sở Xây dựng, các Sở ngành liên quan và UBND huyện Hàm Thuận Nam giám sát toàn bộ việc thực hiện triển khai và quản lý theo Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu vực ven biển Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, tỷ lệ 1/5.000 đã được Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận phê duyệt.

3. Giao trách nhiệm cho UBND huyện Hàm Thuận căn cứ vào quy hoạch chung được phê duyệt tổ chức lập và trình cấp thẩm quyền phê duyệt các quy hoạch phân khu và các quy hoạch chi tiết để triển khai quy hoạch chung. Đồng thời, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan chuyên ngành tổ chức lập quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch đặc thù phù hợp với định hướng quy hoạch chung xây dựng khu vực ven biển Thuận Quý được phê duyệt, đồng thời triển khai thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

4. Hàng năm UBND huyện Hàm Thuận Nam phải báo cáo UBND tỉnh việc thực hiện Quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu vực ven biển Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, tỷ lệ 1/5.000 đến năm 2030.

**Điều 8: Hiệu lực của Quy định:**

- Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành;
- Các nội dung không quy định trong Quy định này được áp dụng theo Quy hoạch chung được duyệt và các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 9: Xử lý vi phạm:**

Mọi hành vi vi phạm các điều khoản của Quy định này tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. / *chau*



**CHỦ TỊCH**

*Lê Tiên Phương*

**Lê Tiên Phương**